Mục Lục

[A. User Service 3](#_Toc76062910)

[1. Sign In (“signin”) [POST] 3](#_Toc76062911)

[2. Sign Up (“signup”) [POST] 3](#_Toc76062912)

[3. Get Profile User Theo ID (“id”) [POST] 4](#_Toc76062913)

[4. Get Profile User Theo Email (“email”) [POST] (Không Nên Public) 4](#_Toc76062914)

[5. Get Profile User Theo Phone (“phone”) [POST] (Không Nên Public) 4](#_Toc76062915)

[6. Change Password (“changepassword”) [POST] 4](#_Toc76062916)

[7. Update Profile (“updateprofile”) [POST] 5](#_Toc76062917)

[8. Update Verify Status Email (“updateverifystatus”) [POST] 5](#_Toc76062918)

[9. Update Verify Status Phone (“updateverifystatus”) [POST] 5](#_Toc76062919)

[B. Admin Service 6](#_Toc76062920)

[1. Sign In (“signin”) [POST] 6](#_Toc76062921)

[2. Generate Hash (“generatehash”) [POST] 6](#_Toc76062922)

* Api được build theo mô hình Microservice nhưng không phân tán Database.
* Ngôn ngữ sử dụng chủ yếu là C#, ngoài ra còn có Javascript cụ thể là build trên NodeJS.
* Database sử dụng NOSQL cụ thể là MongoDB (Atlas Cluster)

**Chi tiết công nghệ được sử dụng để build các service:**

1. **Đối với User Service**

* Build bằng C# Net.Core, ASP.Net API
* Thư viện hỗ trợ:

+ MongoDriver

+ Bcrypt.Net (Mã Hoá)

1. **Đối với Admin Service** (sử dụng công nghệ và thư viện giống User Service)
2. **Đối với Email Service**

- Build bằng NodeJS (Express)

- Thư viện:

+ axios

+ cors

+ jsonwebtoken

- Nền tảng hỗ trợ:

+ SendGrid

+ Swagger

-Caching:

+ Redis

1. **Đối với SMS Service**

- Build bằng NodeJS (Express)

- Thư viện:

+ cors

- Nền tảng hỗ trợ:

+ Twilio

+ Swagger

1. **­­­­­User Service**

* Hỗ trợ 2 giao thức là HTTP và HTTPS.
* Đối với HTTP:

+ Chạy với port 5000

* Đối với HTTPS:

+ Chạy với port 5001

* Prefix Url : “[https/http]://[domain]:[5001/5000]/api/user/[action]”

**Các API Reference hiện tại:**

1. **Sign In (“signin”) [POST]**

**-** Api quan trọng nhất vì cần thực hiệnđăng nhập vào hệ thống để có được access token từ response.

- Body type là JSON

- Body parameter mẫu:

{

"EmailOrPhone":"0847857790",

"Password":"admin@123"

}

1. **Sign Up (“signup”) [POST]**

- Thực hiện đăng ký mới user, đảm bảo các trường bên dưới có dữ liệu

- Body type là JSON

- Body parameter mẫu:

{

"FullName": "CongLoc",

"Email": "thcloc@icloud.com",

"PhoneNo": "0963579590",

"Password": "admin@123",

"DateOfBirth": "04-07-1999",

"Gender": "male"

}

1. **Get Profile User Theo ID (“id”) [POST]**

**-** Lấy thông tin của 1 User theo User ID

- Cần thêm header Authorization có format như sau: “Bearer {token khi đăng nhập}”

- Body type là JSON

- Body parameter mẫu:

{

"payload":"084910cf-1e17-4564-a2b2-600a27f4f774"

}

1. **Get Profile User Theo Email (“email”) [POST] (Không Nên Public)**

**-** Lấy thông tin của 1 User theo Email.

- Cần thêm header Authorization có format như sau: “Bearer {token khi đăng nhập}”

- Body type là JSON

- Body parameter mẫu:

{

"payload":"thcloc@icloud.com"

}

1. **Get Profile User Theo Phone (“phone”) [POST] (Không Nên Public)**

**-** Lấy thông tin của 1 User theo Phone.

- Cần thêm header Authorization có format như sau: “Bearer {token khi đăng nhập}”

- Body type là JSON

- Body parameter mẫu:

{

"payload":"0963579590"

}

1. **Change Password (“changepassword”) [POST]**

**-** Thay đổi mật khẩu hiện tại của 1 User.

- Cần thêm header Authorization có format như sau: “Bearer {token khi đăng nhập}”

- Body type là JSON

- Body parameter mẫu:

{

"NewPassword":"admin@123",

"OldPassword":"123456"

}

1. **Update Profile (“updateprofile”) [POST]**

**-** Cập nhật thông tin cá nhân của 1 User. Đảm bảo các field cần cập nhật có dữ liệu

- Cần thêm header Authorization có format như sau: “Bearer {token khi đăng nhập}”

- Body type là JSON

- Body parameter mẫu:

{

"FullName":"Tran Huynh Cong Loc",

"Gender":"Male",

"DateOfBirth":"04/07/1999",

"AddressLine":"VN",

"StateOrCity":"Ho Chi Minh",

"Country":"VN"

}

1. **Update Verify Status Email (“updateverifystatus”) [POST]**

**-** Thay đổi trạng thái xác thực Email của 1 User từ phía client.

- Cần thêm header Authorization có format như sau: “Bearer {token khi đăng nhập}”

- Body type là JSON

- Body parameter mẫu:

{

"Email":"thcloc@icloud.com",

"StatusToUpdate": false

}

1. **Update Verify Status Phone (“updateverifystatus”) [POST]**

**-** Thay đổi trạng thái xác thực Phone của 1 User từ phía client.

- Cần thêm header Authorization có format như sau: “Bearer {token khi đăng nhập}”

- Body type là JSON

- Body parameter mẫu:

{

"Phone":"0963579590",

"StatusToUpdate": false

}

1. **Admin Service**

* Chỉ hỗ trợ giao thức HTTPS chạy trên port 5002
* Prefix Url : “https://[domain]:5002/ api/account/[action]”

1. **Sign In (“signin”) [POST]**

- Đăng nhập dưới quyền admin

- Body type là JSON

- Body parameter mẫu:

{

"UserName":"genmono",

"Password":"admin@123"

}

1. **Generate Hash (“generatehash”) [POST]**

- Tạo id và hash cho giá trị map theo thuật toán trên server.

- Phải add header có dạng Basic Authorization, hiện tại để test có thể dùng:

+UserName: admin

+Password: 196gRA5Livy6u7r30

- Body type là JSON

- Body parameter mẫu:

{

"value": "admin@123"

}